TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **181**/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 04/06/2024.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- ***Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa***: Bà Lê Hồng Ngọc
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Phi Hổ
Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:*** Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 04 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1117/2024/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 05 năm 2024.

- Nguyên đơn: Ông **Huang Gang T**, sinh năm 1994
HKTT: Số A, B, thôn C, thị Trấn K, huyện T, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.
Địa chỉ tạm trú: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.
- Bị đơn: Bà **Trương Thị Quỳnh N**, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Số F, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(*Ông T, bà N có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và bản tự khai tại hồ sơ ông H GangTang trình bày:**

Tôi có bố là người Trung Quốc và mẹ là người Việt Nam. Vào năm 2023 tôi về Việt Nam sống cùng mẹ. Qua mai mối tôi quen và kết hôn với bà Trương Thị Quỳnh N, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 302 ngày 21/11/2023. Sau khi kết hôn cuộc sống không hạnh, nguyên nhân là do vợ chồng về lối sống, quan điểm sống không phù hợp. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng tôi đã ly thân mấy tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Trương Thị Quỳnh N.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về Nợ chung: Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.
- Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

***Tại bản tự khai 16/5/2024 bà Trương Thị Quỳnh N trình bày:**

Qúa trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung ông Huang Gang T đã trình bày là đúng.

Tôi và ông Huang Gang T tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 302 ngày 21/11/2023. Sau khi kết hôn cuộc sống không hạnh, nguyên nhân là do vợ chồng về lối sống, quan điểm sống không phù hợp. Chúng tôi đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng tôi đã ly thân mấy tháng nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay ông H Gang Tang yêu cầu ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Vợ chồng chúng tôi không hàn gắn được mâu thuẫn với nhau nên tôi đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm nữa mà giải quyết ly hôn cho chúng tôi luôn.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về Nợ chung: Tôi cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H GangTang có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N là nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về Nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N sau khi kết hôn, chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H Gang Tang xin ly hôn và bà Trương Thị Quỳnh N cũng đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau, vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông Huang Gang T.

[2]Về con chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Huang Gang T phải chịu tiền tạm ứng án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Huang Gang T. Ông Huang Gang T được ly hôn với bà Trương Thị Quỳnh N**.**

- Về con chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông Huang Gang T và bà Trương Thị Quỳnh N khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huang Gang T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Huang Gang T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002752 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai;
-VKSND TP Biên Hòa;
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Các đương sự;
-Thi hành án;
-Lưu hồ sơ, Vp;
-Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Hồng Ngọc